TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 399/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2022.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Trần Hoàng H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số A, đường số B, khu phố C, phường H, Quận T, thành phố H.

-Bị đơn: Chị Trần Kim L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Anh H có đơn xin vắng mặt xét xử, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Hoàng H trình bày:

Anh và chị Trần Kim L sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, thành phố H vào ngày 16/3/2010. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống về tính cách, lối sống. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không hòa giải được, anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Kim L.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010. Hiện nay cháu Ngọc đang sống chung với anh H nên ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Kim L trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng H sống chung với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, thành phố H vào ngày 16/3/2010. Trong thời gian chung sống không có mâu thuẫn vợ chồng, nhưng có sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, khi sống ly thân chị ở nhà trọ sống khoảng 03 năm nay đến năm 2014 thì chị về nhà cha mẹ ruột chị ở xã T để sinh sống cho đến nay. Nay anh H yêu cầu xin ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn vì con chị còn nhỏ, chị muốn để cho con đủ 18 tuổi thì chị sẽ đồng ý ly hôn với anh Trần Hoàng H.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010. Hiện nay cháu Ngọc đang sống chung với anh H, do chị không đồng ý ly hôn nên chị không yêu cầu giải quyết về con chung, tuy nhiên nếu Tòa án cho ly hôn thì con chung muốn sống chung với ai là tùy nguyện vọng của con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây có ý kiến phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chị L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng H với chị Trần Kim L. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn anh Trần Hoàng H có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh H. Bị đơn chị Trần Kim L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng H và chị Trần Kim L sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận T, thành phố H vào ngày 16/3/2010. Trong thời gian chung sống có mâu thuẫn vợ chồng, anh H và chị L sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, khi sống ly thân chị L ở nhà trọ sống khoảng 03 năm nay đến năm 2014 thì chị L về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống tại xã T, huyện G để sinh sống cho đến nay. Xét thấy, trong thời gian chung sống, anh H và chị L đã có mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm lại được, anh H và chị L đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay, việc chị L không đồng ý ly hôn là để chờ con đủ 18 tuổi mới ly hôn, không được anh Hải đồng ý, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy, việc anh H yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Kim L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010. Hiện nay cháu N đang sống chung với anh H, theo nguyện vọng của cháu N mong muốn được sống chung với anh H nên cần giao con chung Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010 cho anh Trần Hoàng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Do anh Trần Hoàng H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên chị Loan không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Hoàng H được ly hôn với chị Trần Kim L.

- Về con chung: Giao con chung Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 17/4/2010 cho anh Trần Hoàng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Trần Hoàng Bảo N đủ 18 tuổi, lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNST: Anh Trần Hoàng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0006440 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cấn trừ xem như anh Hải đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CC.THADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố HCM;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh